

Số: /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH MỨC THU HỌC PHÍ CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC NĂM HỌC 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 116/2020 ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập,

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc phê duyệt mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức từ năm học 2023-2024 đến năm học 2026-2027;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu học phí các loại hình đào tạo tại Trường Đại học Hồng Đức năm học 2023-2024 (có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, được thực hiện trong năm học 2023-2024. Những quy định trước đây trái với quyết định này đều được bãi bỏ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, Trưởng các đơn vị, tổ chức đoàn thể và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :

- Như điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu (để báo cáo);
- Lưu: VT, P.KHTC.

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Văn Dũng

PHỤ LỤC
Mức thu học phí các loại hình đào tạo tại trường Đại Hồng Đức
năm học 2023-2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHĐD ngày tháng năm 2024)

I. Học phí đối với bậc đại học, bậc cao đẳng

Đơn vị tính: đồng/ học viên

TT	Khối ngành đào tạo	Mức học phí/ năm (10 tháng)	Mức học phí/tháng	Mức học phí/TC
A	BẬC ĐẠI HỌC			
I	ĐẠI HỌC CHÍNH QUY			
1	Khối ngành đào tạo chất lượng cao : SP Toán; Sp Vật lý; SP Ngữ Văn; SP Lịch sử	10.625.000	1.062.500	290.000
2	Khối ngành đào tạo giáo viên THCS, THPT: Các Khối ngành SP không phải CLC Khoa KHTN; Khoa KHXH;	10.625.000	1.062.500	300.000
3	Khối ngành đào tạo giáo viên: GDTC	10.625.000	1.062.500	310.000
4	Khối ngành đào tạo giáo viên: GDTH; GDMN; Ngoại ngữ	10.625.000	1.062.500	300.000
5	Khối ngành Kinh doanh và Quản lý, pháp luật: Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Tài chính Ngân hàng, Kiểm toán, Luật.	10.625.000	1.062.500	300.000
6	Khối ngành KHTN, Kỹ thuật, CNTT... Nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Điện – Điện tử, Công nghệ Thông tin, Chăn nuôi Thú y, Khoa học Cây trồng, Lâm Nghiệp.	12.325.000	1.232.500	330.000
7	Khối ngành Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi (bao gồm cả ngành kinh tế), thể dục thể thao: Quản lý Đất đai; Kinh tế, Việt Nam học, Quản lý Tài nguyên và môi trường, Du lịch, Xã hội học, Ngôn ngữ Anh, Tâm lý học	10.200.000	1.020.000	290.000
II	ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC			
1	Khối ngành đào tạo giáo viên THCS, THPT: Các Khối ngành SP Khoa KHTN; Khoa KHXH; GDTC	13.813.000	1.381.300	412.000
2	Khối ngành đào tạo giáo viên: GDTH; GDMN; Ngoại ngữ	13.813.000	1.381.300	419.000
3	Khối ngành đào tạo giáo viên: GDTC	13.813.000	1.381.300	425.000
4	Khối ngành KHTN, Kỹ thuật, CNTT... Nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: Kỹ thuật Xây dựng, Kỹ thuật Điện – Điện tử, Công nghệ Thông tin, Chăn nuôi Thú y, Khoa học Cây trồng, Lâm Nghiệp.	16.023.000	1.602.300	456.000
5	Khối ngành Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi (bao gồm cả ngành kinh tế), thể dục thể thao: Quản lý Đất đai; Kinh tế, Việt Nam học, Quản lý Tài nguyên và môi trường, Du lịch, Xã hội học, Ngôn ngữ Anh, Tâm lý học	13.260.000	1.326.000	403.000
B	BẬC CAO ĐẲNG			
1	Cao đẳng mầm non	10.608.000	1.060.800	310.000
2	Liên Thông từ Trung cấp lên cao đẳng (Đào tạo nâng chuẩn theo NĐ 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020)	13.790.400	1.379.040	-

II. Học phí đối với bậc thạc sĩ và bậc tiến sĩ

Đơn vị tính: đồng/tháng/ học viên

TT	Khối ngành đào tạo	Mức học phí/ năm (10 tháng)	Mức học phí/tháng
I	BẬC THẠC SĨ		
1	Khối ngành đào tạo giáo viên: Lý luận và Phương Pháp dạy học Văn – Tiếng Việt, Quản lý Giáo dục.	15.938.000	1.593.800
2	Khối ngành Kinh doanh và Quản lý, pháp luật: Quản trị Kinh doanh, Kế toán, Quản lý Kinh tế, Luật Hiến pháp và Luật Hành chính	15.938.000	1.593.800
3	Khối ngành Khoa học Sự sống, Khoa học Tự nhiên: Động Vật học, Hoá Hữu cơ, Vật lý Chất rắn, Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Thực vật học	18.488.000	1.848.800
4	Khối ngành KHTN, Kỹ thuật, CNTT... Nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: Toán Giải tích, Phương Pháp Toán sơ cấp, Đại số và lý thuyết số, Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Xây dựng, Khoa học Cây trồng.	18.488.000	1.848.800
5	Khối ngành Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, thể dục TT: Lịch sử VN, Văn học Việt Nam, Địa lý học, Ngôn ngữ	15.300.000	1.530.000
II	BẬC TIẾN SĨ		
1	Khối ngành đào tạo giáo viên: Lý luận và Phương Pháp dạy học Văn – Tiếng Việt	26.563.000	2.656.300
2	Khối ngành Kinh doanh và Quản lý, pháp luật: Quản trị Kinh doanh	26.563.000	2.656.300
3	Khối ngành KHTN, Kỹ thuật, CNTT... Nông lâm nghiệp và thủy sản, thú y: Khoa học Cây trồng.	30.813.000	3.081.300
4	Khối ngành Nhân văn, khoa học xã hội và hành vi, thể dục TT: Lịch sử VN, Văn học VN	25.500.000	2.550.000

(Ghi chú: Đối với sinh viên sư phạm được nhà nước hỗ trợ tiền đóng học phí, do vậy sẽ được miễn học phí. Tuy nhiên, nếu sinh viên học lại, học cải thiện và học chương trình 2 thì sẽ phải đóng tiền học phí)

III. Học phí của sinh viên học lại, học cải thiện, học đẩy nhanh tiến độ, học ngành 2

1. Đối với lớp học phần có từ 40 sinh viên trở lên được ghép bởi nhiều sinh viên thuộc các ngành học khác nhau (bao gồm đại học, cao đẳng chính quy, liên thông, vừa làm vừa học), mức thu theo nhóm ngành, khoá học được quy định tại Quyết định.

2. Đối với lớp học phần dưới 40 sinh viên được ghép bởi nhiều sinh viên thuộc các ngành học khác nhau (bao gồm đại học, cao đẳng chính quy, liên thông, vừa làm vừa học), mức thu quy định bằng 300.000đ/tín chỉ/sinh viên.